

Số: 384 /BC-BYT

Hà Nội, ngày 21 tháng 03 năm 2022

BÁO CÁO

Tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19
(Từ 16h00 ngày 17/3/2022 đến 16h00 ngày 18/3/2022)

Bộ Y tế (Cơ quan thường trực của Ban Chỉ đạo Quốc gia) báo cáo tình hình dịch và kết quả triển khai công tác phòng, chống dịch Covid-19 như sau:

I. Tình hình dịch bệnh trên thế giới

Trong 24 giờ qua, thế giới ghi nhận trên 1,8 triệu ca mắc và 5.073 ca tử vong. Tổng số ca mắc trên thế giới vượt 466,6 triệu ca, trong đó trên 6 triệu ca tử vong. Châu Âu là khu vực bị ảnh hưởng nhất với hơn 167,6 triệu ca mắc và hơn 1,7 triệu ca tử vong; châu Á đứng thứ hai với hơn 129,6 triệu ca mắc và hơn 1,3 triệu ca tử vong; khu vực Bắc Mỹ có hơn 95,8 triệu ca mắc, trong đó hơn 1,4 triệu ca tử vong; Nam Mỹ lần lượt là hơn 55,4 triệu ca mắc và hơn 1,2 triệu ca tử vong.

Trong 1 ngày qua, Hàn Quốc là nước có số ca mắc mới cao nhất (trên 621.000 ca), trong khi Mỹ là quốc gia có số ca tử vong mới cao nhất thế giới với trên 600 ca. Trung Quốc cũng chứng kiến xu thế dịch đáng ngại khi số ca mắc mới tăng vọt, khiến nhà chức trách nước này quyết định phong tỏa một số thành phố lớn.

Ngày 17/3, Tổ chức Y tế thế giới (WHO) đã báo động về sự gia tăng đột biến số ca mắc mới COVID-19 trên toàn cầu, mặc dù tỷ lệ xét nghiệm giảm và số ca mắc mới ghi nhận liên tục giảm trong nhiều tuần gần đây. WHO bày tỏ lo ngại về số ca mắc mới đặc biệt tăng mạnh tại châu Á, đồng thời kêu gọi nhanh chóng mở rộng chương trình tiêm chủng bao phủ, cũng như thận trọng cân nhắc các kế hoạch gỡ bỏ các biện pháp phòng dịch.

Trong khi đó, Tổ chức Y tế Liên Mỹ (PAHO) lưu ý rằng sự gia tăng các ca mắc mới ở các khu vực khác nhau trên thế giới là một "cảnh báo" đối với châu Mỹ rằng đại dịch vẫn chưa được kiểm soát mặc dù số ca mắc mới ở châu lục này đã giảm trong vòng 2 tháng qua. PAHO, Văn phòng khu vực của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), nhấn mạnh rằng số ca mắc mới COVID-19 tuần trước ở khu vực Tây Thái Bình Dương, bao gồm Trung Quốc, đã tăng 28,9% so với tuần trước đó; ở châu Phi tăng 12,3%; ở châu Âu tăng gần 2%.

II. Tình hình dịch bệnh tại Việt Nam

Tính đến 16h00 ngày 18/3/2022, cả nước ghi nhận 7.367.112 ca mắc, trong đó 7.359.460 ca trong nước. Đến nay đã có 3.861.959 người khỏi bệnh, 41.683 ca tử vong. Trong đợt dịch thứ 4 đã ghi nhận 7.364.260 ca, trong đó có 7.359.460 ca trong nước, 3.859.142 người đã khỏi bệnh (52,4%), 41.648 tử vong tại 60 tỉnh, thành phố (chi tiết tại Phụ lục 1).

III. Tình hình dịch trong ngày

1. Số ca mắc mới trong ngày

- Ghi nhận 163.174 ca mắc mới, trong đó 163.165 ca ghi nhận trong nước tại 62 tỉnh, thành phố.

+ Các địa phương ghi nhận trong ngày: Hà Nội (23.578), Nghệ An (9.968), Phú Thọ (8.042), Bắc Ninh (6.488), Lạng Sơn (5.011), Lào Cai (4.671), Đắk Lắk (4.460),

Hải Dương (4.407), Tuyên Quang (4.389), Sơn La (4.198), Vĩnh Phúc (3.995), Hòa Bình (3.960), Hưng Yên (3.849), Quảng Bình (3.590), Cà Mau (3.160), Điện Biên (3.097), Thái Bình (3.074), Yên Bái (3.062), Bình Dương (3.060), Bình Định (2.965), Thái Nguyên (2.899), Quảng Ninh (2.889), Lâm Đồng (2.729), Bắc Giang (2.723), Lai Châu (2.658), Cao Bằng (2.656), Bến Tre (2.572), Quảng Trị (2.285), Hồ Chí Minh (2.246), Hà Nam (2.105), Hà Giang (2.068), Nam Định (1.998), Bình Phước (1.951), Tây Ninh (1.843), Vĩnh Long (1.781), Ninh Bình (1.721), Bắc Kạn (1.696), Trà Vinh (1.603), Hải Phòng (1.243), Phú Yên (1.235), Khánh Hòa (1.192), Thanh Hóa (1.099), Bà Rịa - Vũng Tàu (1.000), Kon Tum (987), Đắk Nông (986), Đà Nẵng (956), Hà Tĩnh (944), Quảng Ngãi (899), Bình Thuận (767), Thừa Thiên Huế (547), Quảng Nam (341), Long An (312), Bạc Liêu (305), Đồng Nai (191), An Giang (160), Kiên Giang (156), Cần Thơ (129), Đồng Tháp (90), Ninh Thuận (62), Sóc Trăng (57), Hậu Giang (54), Tiền Giang (6).

+ Có 9 ca nhập cảnh ghi nhận tại Tây Ninh (6), Hà Nội (1), Kon Tum (1), Bà Rịa - Vũng Tàu (1).

- Trong ngày, ghi nhận báo cáo bổ sung 34.302 ca mắc tại Bắc Giang sau khi rà soát, bổ sung đầy đủ thông tin.

- Các địa phương ghi nhận số ca nhiễm tăng nhiều nhất so với ngày trước đó: Bắc Ninh (+1.468), Trà Vinh (+730), Sơn La (+499).

- Các địa phương ghi nhận số ca nhiễm giảm nhiều nhất so với ngày trước đó: Gia Lai (-3.620), Thái Nguyên (-1.936), Hà Nội (-1.733).

2. Kết quả giám sát các trường hợp mắc trong cộng đồng

- Cả nước ghi nhận 109.601 ca mắc trong cộng đồng (chiếm 67,2% tổng số mắc trong ngày), giảm 11.792 ca so với ngày trước đó.

+ Tỉnh Bắc Ninh: Trong ngày ghi nhận 5.757 ca cộng đồng (tăng 1.361 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 253.879 ca.

+ Tỉnh Phú Thọ: Trong ngày ghi nhận 5.372 ca cộng đồng (tăng 247 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 216.385 ca.

+ Tỉnh Lạng Sơn: Trong ngày ghi nhận 4.918 ca cộng đồng (tăng 218 ca so với ngày trước đó). Tích lũy số mắc giai đoạn 4 đến nay trên địa bàn là 97.280 ca.

- Trong 7 ngày qua, các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng tăng so với 7 ngày trước đó: Phú Thọ tăng 13.800 ca, Lạng Sơn tăng 8.053 ca; các địa phương ghi nhận số mắc trong cộng đồng giảm: Bắc Ninh (giảm 6.465 ca), Bình Dương (giảm 5.493 ca).

3. Kết quả giám sát điều trị

- Từ đầu giai đoạn 4 đến nay, có 3.859.142 người đã khỏi bệnh (52,4%), tăng 175.971 người so với ngày trước đó. Hiện nay đang điều trị, giám sát 3.463.470 trường hợp, trong đó có 4.144 trường hợp nặng đang điều trị, trong đó: (1) Thở ô xy qua mặt nạ: 3.290 (2) Thở ô xy dòng cao HFNC: 422; (3) Thở máy không xâm lấn: 111; (4) Thở máy xâm lấn: 316; (5) EMO: 5.

- Trong ngày 17/3, ghi nhận 76 trường hợp tử vong (tăng 14 ca so với ngày trước đó), tại: Hà Nội (7), Đồng Nai (6), Nam Định (5), Gia Lai (4), Hải Dương (4), Kiên Giang (4), Phú Thọ (4), Quảng Ninh (4), Bình Thuận (3), Hòa Bình (3 ca trong 2 ngày), Khánh Hòa (3), Lạng Sơn (3), Bà Rịa - Vũng Tàu (2), Bạc Liêu (2), Quảng Bình (2), Thái Nguyên (2), TP. Hồ Chí Minh (2), Trà Vinh (2), Bắc Giang (1), Bắc Kạn (1), Bình Dương (1), Cà Mau (1), Cần Thơ (1), Đà

Năng (1), Hà Giang (1), Hà Nam (1), Lâm Đồng (1), Nghệ An (1), Ninh Bình (1), Sóc Trăng (1), Tây Ninh (1), Thái Bình (1).

IV. Công tác chỉ đạo, điều hành

- Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn, tư vấn sử dụng thuốc điều trị COVID-19. Trong đó ưu tiên những người thuộc đối tượng chống chỉ định cần được tư vấn, thăm khám (kể cả trực tuyến) để đảm bảo sử dụng thuốc được an toàn.

- Tiếp tục đẩy mạnh tiêm chủng, bảo đảm tiến độ tiêm vắc xin; tăng cường vận động người dân tiêm vắc xin, đi từng ngõ, gõ từng nhà, rà từng người để tránh bỏ sót; các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh rà soát và tổ chức tiêm liều cơ bản và liều bổ sung cho người trên 50 tuổi, người có bệnh nền đến khám bệnh, chữa bệnh tại cơ sở; sau khi đã tiêm đủ liều cơ bản thì triển khai tiêm liều bổ sung và liều nhắc lại theo thứ tự ưu tiên

V. Công tác xét nghiệm:

Tính đến ngày 17/3/2022, cả nước đã thực hiện xét nghiệm được 42.338.972 mẫu cho 86.160.565 lượt người được xét nghiệm, trong đó từ 29/4/2021 – nay đã thực hiện xét nghiệm được 36.605.808 mẫu tương đương 82.412.626 lượt người, tăng 217.500 mẫu so với ngày trước đó. Về việc gộp mẫu bệnh phẩm, từ ngày 16/8/2020 đến nay cả nước đã thực hiện 6.950.259 mẫu gộp cho 49.130.077 lượt người.

VI. Công tác tiêm chủng:

1. Tiến độ tiếp nhận vắc xin

Tổng số vắc xin phòng COVID-19 đã tiếp nhận đến ngày 18/3/2022 là 227,8 triệu liều, cụ thể:

TT	Loại vắc xin	Nguồn Ngân sách nhà nước mua	Nguồn viện trợ, tài trợ				Tổng số vắc xin đã tiếp nhận
			Tổng viện trợ, tài trợ	Viện trợ COVAX	Viện trợ Chính phủ các nước	Tài trợ doanh nghiệp	
	(1)	(2)	(3) = 4+5+6	(4)	(5)	(6)	(7)=2+3
1	AstraZeneca	31.436.236	33.630.840	13.572.980	19.671.460	386.400	65.067.076
2	Pfizer	50.999.130	38.653.080	34.061.040	4.592.040	0	89.652.210
3	Moderna	0	14.077.160	14.036.360	40.800	0	14.077.160
4	Sinopharm	20.000.000	32.261.200	61.200	7.200.000	25.000.000	52.261.200
5	Abdala	5.000.000	150.000	0	150.000	0	5.150.000
6	Sputnik V	0	1.508.998	0	32.000	1.476.998	1.508.998
7	Sputnik Light	0	100.000	0	100.000	0	100.000
I	Tổng số vắc xin đã tiếp nhận	107.435.366	120.381.278	61.731.580	31.786.300	26.863.398	227.816.644
II	Tổng số vắc xin đã phân bổ						204.770.776
III	Số vắc xin viện trợ cho Lào						500.000
IV	Số vắc xin chưa phân bổ						22.545.868

Bộ Y tế đã tiếp nhận đủ số vắc xin mua từ nguồn Ngân sách Nhà nước. Trong tổng số 227,8 triệu liều đã tiếp nhận, đã phân bổ 204,8 triệu liều và viện trợ cho Lào 500.000 liều vắc xin AstraZeneca, còn khoảng 22,5 triệu liều chưa phân bổ do mới được tiếp nhận, cần tiến hành các thủ tục để kiểm định chất lượng, xuất xưởng vắc xin.

2. Kết quả tiêm chủng đến hết ngày 17/3/2022

Cả nước đã tiêm 201.405.935 liều (trong ngày tiêm được 333.900 liều), tỷ lệ sử dụng đạt 98,4% số vắc xin phân bổ 133 đợt. Tỷ lệ tiêm trên các nhóm đối tượng như sau:

Đối tượng¹	Mũi 1	Mũi 2	Mũi 3*
Người lớn (>=18 tuổi)	100,0%	99,0%	43,0%
Trẻ em (12-17 tuổi)	99,0%	94,0%	-

Ghi chú: (*) Mũi nhắc lại

- Số liều tiêm cho người từ 18 tuổi trở lên là 184.344.163 liều:

+ Mũi 1: 70.924.560 liều

+ Mũi 2: 69.353.935 liều ; Mũi bổ sung: 14.623.598 liều.

+ Mũi 3: 29.429.680 liều

47/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 trên 95%.

16/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 từ 90% đến dưới 95% .

- Số liều tiêm cho trẻ từ 12-17 tuổi là 17.061.722 liều:

+ Mũi 1: 8.749.928 liều

+ Mũi 2: 8.311.844 liều.

57/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 trên 90%.

06/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 dưới 90% .

(Chi tiết phân bổ và kết quả tiêm chủng của địa phương tại Phụ lục đính kèm)

VII. Hoạt động của các Bộ, ngành: chi tiết tại Phụ lục 4.

VIII. Nhận định

Việt Nam hiện đang trong giai đoạn chuyển tiếp giữa giai đoạn đại dịch sang quản lý nguy cơ có tính bền vững, hướng tới từng bước bình thường hóa với dịch COVID-19. Tỷ lệ bệnh nặng, tử vong đã giảm nhiều so với giai đoạn trước nhưng số tử vong ghi nhận hàng ngày vẫn ở mức cao trên dưới 100 trường hợp mỗi ngày. Tỷ lệ mắc bệnh không đồng đều giữa các tỉnh, thành phố; đặc tính vi rút SARS-CoV-2 liên tục xuất hiện các biến thể; trong khi hệ thống giám sát, chăm sóc và điều trị cần phải được hoàn thiện hơn để có thể đáp ứng với các tình huống của dịch nên vẫn cần phải tập trung các biện pháp phòng chống tích cực. Bộ Y tế tiếp tục theo dõi chặt chẽ diễn biến tình hình dịch COVID-19, cập nhật sự biến đổi của vi rút SARS-CoV-2, xây dựng tiêu chí để tham mưu Thủ tướng Chính phủ quyết định xem xét bệnh COVID-19 là “bệnh lưu hành” trong thời điểm thích hợp. Để phù hợp với diễn biến tình hình dịch COVID-19 và xu hướng chung về nói lỏng các biện pháp phòng chống dịch của các nước, Việt Nam đang xem xét nói lỏng, theo hướng đơn giản hóa các quy định, yêu cầu đang áp dụng đối với các trường hợp mắc COVID-19, trường hợp tiếp xúc, người nhập cảnh ...

IX. Một số hoạt động trọng tâm trong thời gian tới

1. Triển khai thực hiện nghiêm túc Chương trình phòng, chống dịch COVID-19 năm 2022-2023, trong đó tập trung chủ yếu các nội dung: bảo đảm đạt tỷ lệ bao phủ vắc xin phòng COVID-19 và chủ động cung ứng vắc xin; Kiểm soát sự lây lan của dịch COVID-19; Nâng cao năng lực hệ thống y tế, đặc biệt là y tế dự phòng và y tế cơ sở; tăng cường đầu tư trang thiết bị cơ sở y tế, có các chế độ chính sách đãi ngộ phù hợp với những người làm nhiệm vụ y tế dự phòng, y tế cơ sở; tăng cường chất lượng

¹ Hiện tại có sự di biến động dân cư, đặc biệt trong nhóm đối tượng từ 18 tuổi trở lên. Số liệu đối tượng từ 12-17 tuổi và từ 18 tuổi trở lên đang tổng hợp theo Công văn số 3614/VSDTTU-TCQG ngày 31/12/2021 của Viện VSDTTU và theo điều chỉnh của địa phương sau đó (nếu có).

cấp cứu và hồi sức tích cực ở cơ sở khám bệnh, chữa bệnh các tuyến; Bảo vệ các nhóm dễ bị tổn thương bởi dịch COVID-19; Bảo đảm thông tin, truyền thông chủ động trong định hướng dư luận, tạo sự đồng thuận, niềm tin xã hội; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ công tác phòng, chống dịch thống nhất toàn quốc; Chủ động chuẩn bị các biện pháp về kinh tế - xã hội, hành chính theo cấp độ nguy cơ dịch để bảo đảm vừa phòng, chống dịch vừa phục hồi, phát triển kinh tế - xã hội và ổn định đời sống sinh hoạt của nhân dân.

2. Triển khai lộ trình thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch COVID-19; hướng dẫn các biện pháp thích ứng an toàn, triển khai đánh giá cấp độ dịch và triển khai các biện pháp đáp ứng phù hợp với diễn biến tình hình dịch COVID-19. Rà soát các quy định, hướng dẫn về cách ly trường hợp tiếp xúc gần (F1), người nhập cảnh; tổ chức cách ly, điều trị người mắc COVID-19 (F0) tại nhà; tham gia công tác, đi làm với các trường hợp F0, F1 đang trong thời gian cách ly; các biện pháp xét nghiệm COVID-19; cơ chế cung ứng thuốc kháng vi rút điều trị COVID-19; sử dụng thuốc điều trị COVID-19 tại nhà theo hướng đơn giản, thuận tiện đảm bảo khoa học và hiệu quả nhất; xây dựng phương án ứng phó không để quá tải hệ thống y tế, tập trung quản lý người có nguy cơ cao và người lao động. Triển khai tiêm vắc xin thần tốc để hoàn thành việc tiêm mũi 3 cho người từ 18 tuổi (trừ các đối tượng chống chỉ định và chưa tới thời gian tiêm) trong quý I/2022; hoàn thành việc tiêm mũi thứ 2 cho người từ 12-17 tuổi trong tháng 3/2022; chuẩn bị tiêm cho trẻ từ 5-11 tuổi; nghiên cứu việc tiêm mũi thứ 4 và các cháu dưới 5 tuổi...

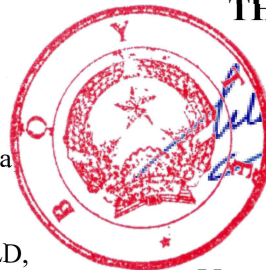
3. Nâng cao năng lực hệ thống y tế, nhất là y tế dự phòng, y tế cơ sở; lập kế hoạch đầu tư cho nghiên cứu y sinh học, phát triển công nghiệp dược, vắc xin, sinh phẩm, thuốc điều trị, trang thiết bị y tế. Tăng cường nguồn nhân lực; có các chính sách thỏa đáng đối với cán bộ y tế và lực lượng tuyến đầu trong phòng chống dịch.

4. Tăng cường công tác thông tin truyền thông, huy động người dân, cộng đồng tham gia công tác phòng chống dịch. Chủ động truyền thông tăng cường thông tin, tuyên truyền bảo đảm kịp thời, chính xác về tình hình và các giải pháp của các cấp có thẩm quyền, theo tinh thần lấy tích cực đẩy lùi tiêu cực, tăng cường thông tin hướng dẫn để người dân yên tâm, ngăn chặn hiệu quả các luận điệu xuyên tạc, sai trái....

Nơi nhận:

- Thủ tướng Chính phủ (để báo cáo);
- Phó Thủ tướng Vũ Đức Đam (để báo cáo);
- Các Đồng chí PTT Chính phủ (để báo cáo);
- Các Văn phòng: TƯ, QH, CTN, CP;
- Đoàn Kiểm tra 35;
- Các Đồng chí thành viên Ban chỉ đạo Quốc gia
- Đồng chí Bộ trưởng (để báo cáo);
- Các Đồng chí Thứ trưởng;
- Các Vụ, Cục thuộc Bộ Y tế: YTDP, KCB, QLD, MT, KHTC, TTKT;
- Lưu: VT, **DP**.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Trường Sơn

Phụ lục 1: Tổng hợp số mắc, tử vong trong nước từ 27/4/2021

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 17/3	Số mắc ngày 18/3	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 18/3	Số tử vong tích lũy đến 17/3
Có lây nhiễm thứ phát trong 14 ngày qua:		173.322	163.165	- 10.157	7.359.258	41.648
1	Hà Nội	25.311	23.578	-1.733	940.034	1.176
2	Hồ Chí Minh	2.369	2246	-123	579.844	20.450
3	Bình Dương	4.264	3060	-1.204	356.643	3.419
4	Nghệ An	10.511	9.968	-543	325.416	127
5	Hải Dương	4.856	4.407	-449	305.563	101
6	Bắc Ninh	5.020	6.488	1.468	253.879	127
7	Vĩnh Phúc	3.870	3995	125	227.467	19
8	Quảng Ninh	2.885	2889	4	217.398	87
9	Phú Thọ	7.867	8042	175	216.385	66
10	Bắc Giang	2.985	2723	-262	244.996	76
11	Nam Định	2.265	1998	-267	167.553	132
12	Hưng Yên	3.971	3849	-122	151.636	5
13	Hòa Bình	3.844	3960	116	143.089	97
14	Thái Nguyên	4.835	2899	-1.936	135.486	92
15	Thái Bình	3.157	3074	-83	134.471	19
16	Thanh Hóa	933	1099	166	122.936	95
17	Cà Mau	3.747	3160	-587	113.649	316
18	Tây Ninh	1.986	1843	-143	110.858	852
19	Hải Phòng	2.844	1.243	-1.601	108.179	134
20	Khánh Hòa	1.382	1192	-190	106.640	325
21	Đồng Nai	250	191	-59	104.792	1.784
22	Lào Cai	4787	4671	-116	102.986	29
23	Sơn La	3.699	4198	499	102.595	
24	Bình Định	2.955	2965	10	98.487	255
25	Bình Phước	1.987	1951	-36	95.188	206
26	Lạng Sơn	4.869	5011	142	97.280	58
27	Đắc Lắc	4.592	4460	-132	92.989	131
28	Đà Nẵng	1.086	956	-130	84.336	312
29	Tuyên Quang	4.389	4389	0	85.523	12
30	Ninh Bình	2.260	1721	-539	75.885	82
31	Hà Giang	1.920	2068	148	75.266	68
32	Vĩnh Long	1.952	1781	-171	70.721	784
33	Bến Tre	2.734	2572	-162	70.734	416
34	Quảng Bình	3.565	3590	25	70.951	62
35	Yên Bái	2.977	3062	85	66.430	9
36	BRVT	1.270	1000	-270	57.446	476
37	Lâm Đồng	2.861	2729	-132	56.823	106
38	Điện Biên	2.945	3097	152	56.863	14
39	Hà Nam	2.160	2105	-55	52.805	50
40	Cao Bằng	2.880	2656	-224	53.210	26
41	Trà Vinh	873	1603	730	51.535	260
42	Đồng Tháp	75	90	15	49.008	977
43	Cần Thơ	133	129	-4	47.717	921
44	Quảng Trị	2.417	2285	-132	49.806	31
45	Long An	174	312	138	45.391	990

TT	Địa phương, đơn vị	Số mắc ngày 17/3	Số mắc ngày 18/3	Tăng, giảm (-) so với ngày trước	Số mắc tích lũy đến 18/3	Số tử vong tích lũy đến 17/3
46	Bình Thuận	783	767	-16	43.652	446
47	Bạc Liêu	287	305	18	42.175	415
48	Gia Lai	3.620		-3.620	40.216	76
49	Lai Châu	2.279	2658	379	42.848	
50	Quảng Nam	358	341	-17	39.430	108
51	An Giang	130	160	30	37.397	1.340
52	Kiên Giang	90	156	66	36.507	938
53	Phú Yên	1.196	1235	39	37.423	109
54	Tiền Giang	38	6	-32	35.823	1.220
55	Đắk Nông	995	986	-9	36.283	42
56	Sóc Trăng	57	57	0	33.355	594
57	T. T. Huế	505	547	42	33.254	171
58	Quảng Ngãi	820	899	79	30.423	110
59	Hà Tĩnh	927	944	17	29.847	23
60	Bắc Kạn	1.639	1696	57	24.771	12
61	Hậu Giang	53	54	1	16.841	213
62	Kon Tum	793	987	194	14.283	
63	Ninh Thuận	40	62	22	7.841	57
14 ngày qua không có lây nhiễm thứ phát tại địa phương:						
Đã qua 14 ngày không ghi nhận ca mắc mới:					202	-
	BVNĐ TW				96	
	BV K				106	
	Tổng cộng	173.322	163.165	- 10.157	7.359.460	41.648

PHỤ LỤC 2
PHÂN BỐ VÀ KẾT QUẢ TIÊM CHỦNG VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 17/3/2022)

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bố 133 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bố 133 đợt
1	Hà Nội	17.746.562	6.227.958	5.993.085	0	233.127	3.972.303	698.013	674.076	17.798.562	100,3%
2	Hải Phòng	4.410.866	1.696.526	1.619.633	0	559.479	344.028	173.514	174.432	4.567.612	103,6%
3	Thái Bình	3.150.960	1.156.216	1.194.138	97.251	277.034	390.613	150.029	146.159	3.411.440	108,3%
4	Nam Định	3.200.140	1.145.080	1.127.310	0	58.539	574.361	158.398	156.097	3.219.785	100,6%
5	Hà Nam	1.823.260	582.789	573.348	0	274.306	246.881	71.438	69.241	1.818.003	99,7%
6	Ninh Bình	1.741.280	675.426	668.271	0	235.215	315.978	82.166	78.443	2.055.499	118,0%
7	Thanh Hoá	7.735.680	2.205.107	2.145.276	290.250	412.372	602.118	283.435	281.516	6.220.074	80,4%
8	Bắc Giang	3.702.018	1.305.661	1.288.142	0	159.744	1.047.406	149.767	149.254	4.099.974	110,7%
9	Bắc Ninh	3.119.990	1.136.130	1.092.806	0	360.420	425.800	115.527	108.163	3.238.846	103,8%
10	Phú Thọ	2.463.940	1.002.788	999.989	0	287.284	407.155	124.912	123.397	2.945.525	119,5%
11	Vĩnh Phúc	2.292.030	793.369	772.746	0	242.751	395.219	114.275	112.331	2.430.691	106,0%
12	Hải Dương	3.317.176	1.332.859	1.280.097	5.429	96.519	493.021	157.247	153.881	3.519.053	106,1%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 133 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 133 đợt
13	Hưng Yên	2.457.762	822.811	798.818	0	306.806	349.504	110.591	110.075	2.498.605	101,7%
14	Thái Nguyên	2.407.650	920.083	888.549	12.792	205.573	233.135	108.213	106.691	2.475.036	102,8%
15	Bắc Cạn	600.140	219.205	217.184	0	13.399	70.543	25.221	23.665	569.217	94,8%
16	Quảng Ninh	3.281.368	1.007.655	972.389	0	21.625	833.415	119.421	110.336	3.064.841	93,4%
17	Hoà Bình	1.655.130	552.604	519.945	0	234.760	166.598	75.444	71.462	1.620.813	97,9%
18	Nghệ An	5.567.680	2.005.436	1.998.146	499.033	570.777	618.628	281.138	267.952	6.241.110	112,1%
19	Hà Tĩnh	2.270.650	801.478	735.249	0	230.717	128.139	113.667	111.801	2.121.051	93,4%
20	Lai Châu	782.870	256.122	245.919	0	107.505	95.354	53.501	47.992	806.393	103,0%
21	Lạng Sơn	1.741.530	510.023	499.753	0	0	422.996	66.528	62.859	1.562.159	89,7%
22	Tuyên Quang	1.425.200	492.758	489.284	0	40.926	275.505	70.237	67.026	1.435.736	100,7%
23	Hà Giang	1.732.720	487.876	472.857	487	167.183	218.218	88.638	84.687	1.519.946	87,7%
24	Cao Bằng	995.520	350.653	332.410	0	73.029	121.813	45.548	41.433	964.886	96,9%
25	Yên Bái	1.637.480	517.089	507.162	0	264.251	208.658	78.940	75.560	1.651.660	100,9%
26	Lào Cai	1.539.820	465.713	453.268	0	254.947	121.846	80.532	74.374	1.450.680	94,2%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 133 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 133 đợt
27	Son La	1.839.820	738.220	697.827	2.334	0	240.741	140.915	131.383	1.951.420	106,1%
28	Điện Biên	1.145.460	335.759	318.704	0	228.303	83.847	72.701	58.834	1.098.148	95,9%
Cộng miền Bắc		85.784.702	29.743.394	28.902.305	907.576	5.916.591	13.403.823	3.809.956	3.673.120	86.356.765	100,7%
29	Quảng Bình	1.558.630	536.688	519.015	0	161.351	137.984	79.703	68.600	1.503.341	96,5%
30	Quảng Trị	1.306.372	432.766	416.070	10.581	65.460	204.171	64.843	60.263	1.254.154	96,0%
31	TT- Huế	2.428.386	786.951	765.919	0	270.280	288.350	102.409	98.227	2.312.136	95,2%
32	Tp. Đà Nẵng	2.495.632	865.731	858.794	0	83.621	762.509	102.113	99.745	2.772.513	111,1%
33	Quảng Nam	3.189.860	1.044.712	1.034.783	32.127	391.451	269.109	132.605	130.337	3.035.124	95,1%
34	Quảng Ngãi	2.755.364	852.611	806.867	0	110.338	385.623	113.371	112.494	2.381.304	86,4%
35	Bình Định	2.974.270	1.049.269	1.015.117	53.781	351.120	282.594	140.863	137.763	3.030.507	101,9%
36	Phú Yên	1.732.454	625.950	597.702	502	77.696	250.736	85.522	80.618	1.718.726	99,2%
37	Khánh Hòa	2.755.850	979.700	952.919	0	395.584	353.763	122.089	115.526	2.919.581	105,9%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 133 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 133 đợt
38	Ninh Thuận	1.233.610	431.838	401.900	0	146.172	159.744	61.493	58.517	1.259.664	102,1%
39	Bình Thuận	2.720.780	914.796	886.108	7.207	267.373	155.046	131.675	125.673	2.487.878	91,4%
Cộng miền Trung		25.151.208	8.521.012	8.255.194	104.198	2.320.446	3.249.629	1.136.686	1.087.763	24.674.928	98,1%
40	Kon Tum	1.020.100	321.087	320.746	10.696	92.899	97.038	58.967	55.533	956.966	93,8%
41	Gia Lai	2.734.912	996.091	916.937	78.914	216.022	204.497	167.610	145.125	2.725.196	99,6%
42	Đắk Lắk	3.400.550	1.259.285	1.199.824	0	512.956	234.588	178.061	164.158	3.548.872	104,4%
43	Đắk Nông	1.287.080	403.172	399.120	0	207.082	125.479	68.070	65.742	1.268.665	98,6%
Cộng Tây Nguyên		8.442.642	2.979.635	2.836.627	89.610	1.028.959	661.602	472.708	430.558	8.499.699	100,7%
44	TP. HCM	20.329.820	7.394.151	6.675.828	0	678.679	4.193.405	728.451	683.592	20.354.106	100,1%
45	BR-VT	2.756.640	971.107	909.657	0	9.719	629.672	110.539	109.284	2.739.978	99,4%
46	Đồng Nai	6.663.800	2.721.310	2.355.412	0	168.706	557.937	284.677	274.559	6.362.601	95,5%
47	Tiền Giang	3.802.590	1.325.009	1.276.263	130.115	105.138	714.301	156.815	157.979	3.865.620	101,7%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 133 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 133 đợt
48	Long An	4.333.358	1.501.077	1.463.394	0	22.120	1.123.704	171.738	157.164	4.439.197	102,4%
49	Lâm Đồng	2.983.224	982.661	965.941	0	525.380	235.954	138.865	120.218	2.969.019	99,5%
50	Tây Ninh	2.581.560	948.781	890.968	0	32.471	501.646	109.066	100.641	2.583.573	100,1%
51	Cần Thơ	2.766.418	944.238	942.847	5.972	342.124	271.192	109.875	102.326	2.718.574	98,3%
52	Sóc Trăng	2.581.060	899.036	865.520	0	662.920	48.563	116.852	111.026	2.703.917	104,8%
53	An Giang	4.084.292	1.363.886	1.345.330	190.219	439.373	269.787	204.041	188.953	4.001.589	98,0%
54	Bến Tre	2.997.032	1.023.444	1.006.615	0	466.292	238.001	106.936	104.550	2.945.838	98,3%
55	Trà Vinh	2.098.550	698.874	685.171	0	14.376	493.521	98.456	90.955	2.081.353	99,2%
56	Vĩnh Long	2.337.120	778.665	764.455	0	290.495	330.923	92.820	87.976	2.345.334	100,4%
57	Đồng Tháp	3.649.810	1.160.481	1.200.662	148	373.642	304.556	157.885	149.140	3.346.514	91,7%
58	Bình Dương	6.322.150	2.434.353	2.181.359	0	144.129	830.697	191.325	152.826	5.934.689	93,9%
59	Bình Phước	2.252.180	752.685	721.089	0	214.690	160.961	109.584	100.949	2.059.958	91,5%
60	Kiên	3.790.150	1.238.102	1.173.734	67.200	0	380.384	167.191	158.557	3.185.168	84,0%

TT	Tỉnh	Tổng số vắc xin phân bổ 133 đợt	Mũi 1 cho người trên 18 tuổi	Mũi 2 cho người trên 18 tuổi	Vắc xin Abdala mũi 3 cho người trên 18 tuổi	Liều bổ sung cho người trên 18 tuổi	Mũi 3 (Liều nhắc lại) cho người trên 18 tuổi	Mũi 1 cho người từ 12-17 tuổi	Mũi 2 cho người từ 12-17 tuổi	Tổng số tiêm	Tỷ lệ tiêm/tổng vắc xin phân bổ 133 đợt
	Giang										
61	Cà Mau	2.457.310	819.787	809.044	0	436.097	125.606	112.601	111.924	2.415.059	98,3%
62	Bạc Liêu	1.609.230	568.449	560.135	0	179.592	204.036	88.819	86.171	1.687.202	104,8%
63	Hậu Giang	1.529.630	532.285	514.076	0	251.659	120.204	74.042	71.613	1.563.879	102,2%
Cộng miền Nam		81.925.924	29.058.381	27.307.500	393.654	5.357.602	11.735.050	3.330.578	3.120.403	80.303.168	98,0%

Ghi chú:

- 767.200 liều vắc xin AsstraZeneca đợt 133 có Quyết định phân bổ ngày 15/3/2022

- Một số tỉnh, thành phố có số tiêm mũi 1, mũi 2 cao hơn dân số từ 18 tuổi trở lên và số tiêm mũi 2 cao hơn mũi 1 do di biến động dân cư.

- Số phân bổ trên bảng chưa bao gồm 66.050 liều vắc xin kiểm định, lưu mẫu; 310.000 liều cấp cho các đơn vị theo yêu cầu của nhà tài trợ (Tập đoàn Vạn Thịnh Phát, Đại sứ quán Trung Quốc tại Việt Nam, VNVC) và số phân bổ của Bộ Quốc phòng/Bộ Công an.

- Bộ Quốc phòng được cấp 1.649.420 liều vắc xin, đơn vị y tế của Bộ Quốc phòng đã triển khai tiêm được 1.435.116 liều, trong đó có 574.604 mũi 1, 519.399 mũi 2 và 341.113 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh.

- Bộ Công an được cấp 1.442.380 liều, đơn vị y tế của Bộ Công an triển khai tiêm được 136.259 liều, trong đó có 59.924 mũi 1, 37.872 mũi 2 và 38.463 liều nhắc lại; Số vắc xin do tỉnh, thành phố hỗ trợ triển khai được tổng hợp vào kết quả tiêm của tỉnh.

PHỤ LỤC 2:
TỶ LỆ BAO PHỦ VẮC XIN PHÒNG COVID-19 TẠI 63 TỈNH, THÀNH PHỐ
(Tính đến hết ngày 17/3/2022)

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
1	Hà Nội	5.449.464	676.050	100,0%	100,0%	72,9%	100,0%	99,7%
2	Hải Phòng	1.442.515	168.000	100,0%	100,0%	23,8%	100,0%	100,0%
3	Thái Bình	1.245.000	150.000	92,9%	95,9%	31,4%	100,0%	97,4%
4	Nam Định	1.159.000	159.266	98,8%	97,3%	49,6%	99,5%	98,0%
5	Hà Nam	612.219	72.258	95,2%	93,7%	40,3%	98,9%	95,8%
6	Ninh Bình	665.715	81.762	101,5%	100,0%	47,5%	100,0%	95,9%
7	Thanh Hoá	2.204.426	285.497	100,0%	97,3%	27,3%	99,3%	98,6%
8	Bắc Giang	1.280.197	150.059	100,0%	100,0%	81,8%	99,8%	99,5%
9	Bắc Ninh	1.146.710	116.710	99,1%	95,3%	37,1%	99,0%	92,7%
10	Phú Thọ	1.010.520	128.757	99,2%	99,0%	40,3%	97,0%	95,8%
11	Vĩnh Phúc	789.896	115.958	100,0%	97,8%	50,0%	98,5%	96,9%
12	Hải Dương	1.344.063	157.641	99,2%	95,2%	36,7%	99,8%	97,6%
13	Hưng Yên	826.028	112.803	99,6%	96,7%	42,3%	98,0%	97,6%
14	Thái Nguyên	918.061	107.936	100,2%	96,8%	25,4%	100,0%	98,8%
15	Bắc Cạn	220.169	25.202	99,6%	98,6%	32,0%	100,0%	93,9%
16	Quảng Ninh	1.020.234	121.623	98,8%	95,3%	81,7%	98,2%	90,7%
17	Hoà Bình	570.146	73.734	96,9%	91,2%	29,2%	100,0%	96,9%
18	Nghệ An	1.960.688	274.429	100,0%	100,0%	31,6%	100,0%	97,6%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
19	Hà Tĩnh	795.436	115.398	100,0%	92,4%	16,1%	98,5%	96,9%
20	Lai Châu	261.410	52.540	98,0%	94,1%	36,5%	100,0%	91,3%
21	Lạng Sơn	506.403	65.750	100,0%	98,7%	83,5%	100,0%	95,6%
22	Tuyên Quang	488.140	72.401	100,0%	100,2%	56,4%	97,0%	92,6%
23	Hà Giang	490.008	89.928	99,6%	96,5%	44,5%	98,6%	94,2%
24	Cao Bằng	368.973	44.257	95,0%	90,1%	33,0%	100,0%	93,6%
25	Yên Bái	510.271	79.169	100,0%	99,4%	40,9%	99,7%	95,4%
26	Lào Cai	445.152	79.914	100,0%	100,0%	27,4%	100,0%	93,1%
27	Sơn La	737.237	141.675	100,1%	94,7%	32,7%	99,5%	92,7%
28	Điện Biên	339.186	67.539	99,0%	94,0%	24,7%	100,0%	87,1%
Cộng miền Bắc		28.807.267	3.771.990	100,0%	100,0%	46,5%	100,0%	97,0%
29	Quảng Bình	541.719	79.538	99,1%	95,8%	25,5%	100,0%	86,2%
30	Quảng Trị	453.602	65.509	95,4%	91,7%	45,0%	99,0%	92,0%
31	TT- Huế	779.911	103.142	100,0%	98,2%	37,0%	99,3%	95,2%
32	Tp. Đà Nẵng	885.070	102.225	97,8%	97,0%	86,2%	99,9%	97,6%
33	Quảng Nam	1.086.469	140.387	96,2%	95,2%	24,8%	94,5%	92,8%
34	Quảng Ngãi	852.717	114.877	100,0%	94,6%	45,2%	98,7%	97,9%
35	Bình Định	1.115.072	146.514	94,1%	91,0%	25,3%	96,1%	94,0%
36	Phú Yên	649.673	85.684	96,3%	92,0%	38,6%	99,8%	94,1%
37	Khánh Hòa	952.940	128.449	100,0%	100,0%	37,1%	95,0%	90,0%
38	Ninh Thuận	409.689	57.230	100,0%	98,1%	39,0%	100,0%	102,2%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
39	Bình Thuận	902.470	128.964	100,0%	98,2%	17,2%	100,0%	97,4%
Cộng miền Trung		8.629.332	1.152.519	98,7%	95,7%	37,7%	98,6%	94,4%
40	Kon Tum	338.741	60.751	94,8%	94,7%	28,6%	97,1%	91,4%
41	Gia Lai	950.154	166.462	100,0%	96,5%	21,5%	100,0%	87,2%
42	Đắk Lắk	1.266.098	185.763	99,5%	94,8%	18,5%	95,9%	88,4%
43	Đắk Nông	404.872	68.824	99,6%	98,6%	31,0%	98,9%	95,5%
Cộng Tây Nguyên		2.959.865	481.800	100,0%	95,8%	22,4%	98,1%	89,4%
44	TP. HCM	6.826.573	831.740	100,0%	97,8%	61,4%	87,6%	82,2%
45	BR-VT	956.596	112.724	100,0%	95,1%	65,8%	98,1%	96,9%
46	Đồng Nai	2.489.971	292.031	100,0%	94,6%	22,4%	100,0%	94,0%
47	Tiền Giang	1.300.609	158.524	100,0%	98,1%	54,9%	98,9%	99,7%
48	Long An	1.452.231	167.662	100,0%	100,0%	77,4%	100,0%	93,7%
49	Lâm Đồng	972.137	131.801	100,0%	99,4%	24,3%	100,0%	91,2%
50	Tây Ninh	954.662	103.358	99,4%	93,3%	52,5%	100,0%	97,4%
51	Cần Thơ	947.860	112.746	99,6%	99,5%	28,6%	97,5%	90,8%
52	Sóc Trăng	866.520	111.555	100,0%	99,9%	5,6%	100,0%	99,5%
53	An Giang	1.371.622	198.826	99,4%	98,1%	19,7%	100,0%	95,0%
54	Bến Tre	1.038.922	104.446	98,5%	96,9%	22,9%	100,0%	100,1%
55	Trà Vinh	698.227	96.275	100,0%	98,1%	70,7%	100,0%	94,5%
56	Vĩnh Long	769.026	91.692	100,0%	99,4%	43,0%	100,0%	95,9%

TT	Tỉnh	Dân số 18 tuổi trở lên	Dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 2/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 3 (mũi nhắc lại)/ dân số từ 18 tuổi	Tỷ lệ mũi 1/ dân số từ 12-17 tuổi	Tỷ lệ mũi 2 /dân số từ 12-17 tuổi
57	Đồng Tháp	1.245.157	159.973	93,2%	96,4%	24,5%	98,7%	93,2%
58	Bình Dương	2.361.053	194.210	100,0%	92,4%	35,2%	98,5%	78,7%
59	Bình Phước	758.594	107.044	99,2%	95,1%	21,2%	100,0%	94,3%
60	Kiên Giang	1.190.277	172.958	100,0%	98,6%	32,0%	96,7%	91,7%
61	Cà Mau	813.771	112.247	100,0%	99,4%	15,4%	100,0%	99,7%
62	Bạc Liêu	572.580	90.822	99,3%	97,8%	35,6%	97,8%	94,9%
63	Hậu Giang	536.163	70.270	99,3%	95,9%	22,4%	100,0%	100,0%
Cộng miền Nam		28.122.551	3.420.904	103,3%	97,1%	41,7%	100,0%	91,2%

PHỤ LỤC 4
Công tác liên quan đến phòng, chống dịch COVID-19
của một số Bộ, ngành

I. Bộ Quốc phòng

Tình hình nhập xuất cảnh qua biên giới đường bộ từ 16h00 ngày 17/3/2022 đến 16h00 ngày 18/3/2022:

- Tổng xuất nhập cảnh: 4.015 lượt người (nhập cảnh: 1.626, xuất cảnh: 2.389).
- + Tuyến VN-TQ: 275 lượt người (nhập cảnh: 103, xuất cảnh: 172).
- + Tuyến VN-Lào: 2.261 lượt người (nhập cảnh 1.049, xuất cảnh: 1.212).
- + Tuyến VN-CPC: 1.479 lượt người (nhập cảnh 474; xuất cảnh: 1.005).
- Bàn giao cho y tế địa phương cách ly: 447 người trong đó:
 - + Số người nhập cảnh qua cửa khẩu: 291 người (VN-TQ: 02; VN-Lào: 66, VN-CPC: 223).
 - + Số người nhập cảnh trái phép: 156 người (VN-TQ: 04; VN-Lào: 04, VN-CPC: 148).
 - + Số người trao trả: 0 người (VN-TQ: 0; VN-Lào: 0, VN-CPC: 0).

II. Bộ Công an

Tình hình nhập xuất cảnh qua đường hàng không từ ngày 14/3/2022 tới ngày 15/3/2022:

- Tổng số người nước ngoài nhập xuất cảnh: 1.072 lượt người (nhập cảnh: 649 lượt người; xuất cảnh: 423 lượt người).
- Tổng số công dân Việt Nam nhập xuất cảnh

III. Thông tấn xã Việt Nam

Ngày 18/3, TTXVN đăng phát, cung cấp cho các cơ quan báo chí, thông tin trực tiếp đến công chúng 43 tin/bài tiếng Việt; 36 ảnh trong nước và quốc tế; 16 tin/bài bằng các ngữ Anh, Pháp, Trung, Tây Ban Nha, Nga; Trung tâm Truyền hình Thông tấn sản xuất và phát sóng tin, phóng sự về diễn biến dịch bệnh, công tác phòng, chống COVID-19 ở trong nước và các vấn đề liên quan, cập nhật diễn biến dịch bệnh trên thế giới. Trung tâm thông tin Tư liệu và Đồ họa thực hiện 4 tin đồ họa về dịch bệnh COVID-19 ở Việt Nam và trên thế giới.

TTXVN tập trung thông tin về Chương trình phòng, chống dịch COVID-19; tăng cường công tác chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả đối với nhóm mặt hàng sinh phẩm, vật tư, thiết bị y tế phòng, chống dịch COVID-19; tăng cường thực hiện chiến dịch tiêm chủng vaccine phòng COVID-19; ứng dụng công nghệ quản lý F0 tại nhà; tạo điều kiện thuận lợi cho F0 không triệu chứng, triệu chứng nhẹ được đi làm, không tiếp xúc trực tiếp với người xung quanh; xử lý rác thải sinh hoạt của F0 đang điều trị tại nhà.

TTXVN tiếp tục cập nhật diễn biến dịch trên thế giới và các nghiên cứu khoa học về điều trị bệnh nhân COVID-19 cũng như di chứng hậu COVID-19; một số nước nói lỏng quy định giãn cách xã hội.

IV. Bộ Thông tin và truyền thông

1. Viễn thông

- Các DNVT di động tiếp tục duy trì việc cài đặt âm thông báo tại: Bà Rịa-Vũng Tàu, Bình Phước.

- Tính đến hết 16/3, hệ thống tổng đài 19009095 đã tiếp nhận và xử lý gần 10.469.000 cuộc gọi (ngày 16/3 đã tiếp nhận và xử lý hơn 5 nghìn cuộc gọi).

06/3	07/3	08/3	09/3	10/3	11/3	12/3	13/3	14/3	15/3	16/3
5763	5954	5474	6212	5829	5393	4394	4024	5251	5319	5351

- Tổng đài hỗ trợ khai báo y tế 18001119:

Từ 18/5/2021 – 16/3/2022 đã tiếp nhận hơn 313 nghìn cuộc (ngày 16/3/2022 đã tiếp nhận 29 cuộc).

Tiêu chí	06/3	07/3	08/3	09/3	10/3	11/3	12/3	13/3	14/3	15/3	16/3
Cuộc gọi đến	56	43	41	35	46	33	25	31	34	37	29

2. Ứng dụng Công nghệ thông tin:

2.1. Triển khai ứng dụng PC-Covid:

- Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, đến ngày 30/9/2021, Bộ TT&TT đã hoàn tất việc phát triển một ứng dụng duy nhất của Ban Chỉ đạo phòng, chống Covid-19 Quốc gia lấy tên là PC-Covid. Ứng dụng PC-Covid đã được đưa lên Kho ứng dụng Apple và Google và chính thức được giới thiệu vào ngày 01/10/2021.

- Toàn quốc có tổng số điện thoại thông minh cài PC-Covid: 39.165.000, chiếm 40,83% dân số, 58,73% số điện thoại thông minh.

2.2 Triển khai QR code

Triển khai Nền tảng khai báo y tế điện tử và quản lý thông tin người ra vào địa điểm công cộng bằng mã vuông QR giúp truy vết nhanh, khi có trường hợp F0 dễ dàng phát hiện ngay danh sách các địa điểm công cộng mà F0 đã đến.

- Toàn quốc:

+ 3.777.286 điểm đăng ký

+ 80.375 điểm ghi nhận hoạt động.

- Tổng lượt quét mã QR để ghi nhận vào ra tại các địa điểm đăng ký: 267.627.890

2.3 Nền tảng quản lý tiêm chủng:

- Tổng số mũi tiêm thực tế: 201.079.635

- Tổng số mũi tiêm đã cập nhật lên Nền tảng: 187.711.342
- Tỷ lệ tổng mũi tiêm trên nền tảng/ tổng mũi tiêm thực tế đạt: 93,35%
- Tổng số thuê bao cài đặt Sổ sức khỏe điện tử (SKĐT): 33.370.509
- Nền tảng quản lý tiêm chủng Covid-19 đã được hoàn thành và đang được triển khai tại các tỉnh, thành phố.

3. Báo chí, truyền thông

- Tin, bài về COVID-19 chiếm 14,5%/tổng tin, bài trên báo chí điện tử.
- Một số các cơ quan báo chí vẫn duy trì nhiều tin, bài về phòng, chống dịch: Báo Tin tức, Thanh niên, Lao động, VOV, Nhân dân, Tuổi trẻ, Tiền phong, Người lao động...

(1) Nhận định chung:

- Báo chí thông tin kịp thời về các chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, BCD Quốc gia về phòng, chống dịch bệnh COVID-19.
- Tuyên truyền về các biện pháp phòng, chống dịch của bộ, ngành, địa phương: Hướng dẫn của Bộ Y tế đối với người nhập cảnh; điều chỉnh một số biện pháp phòng dịch cho phù hợp với tình hình mới...
- Tiếp tục hướng dẫn, khuyến cáo việc điều trị F0, cách sử dụng các loại thuốc an toàn; tuyên truyền nâng cao ý thức của người dân, không được lơ là, chủ quan khi số ca mắc trong cộng đồng ngày càng tăng cao.

(2) Thông tin về chỉ đạo chống dịch:

Đến nay đã có 57/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 vaccine phòng COVID-19 trên 90%; Còn lại 6/63 tỉnh, thành phố có tỷ lệ bao phủ mũi 2 dưới 90%. Theo Bộ Y tế, đến nay dịch bệnh vẫn đang được kiểm soát trên phạm vi cả nước. Số mắc tiếp tục tăng nhanh tại hầu hết các tỉnh, thành phố chủ yếu do biến thể BA.2 của biến chủng Omicron làm lây lan nhanh hơn, tuy nhiên ít tăng nặng hơn. Do tỷ lệ bao phủ vắc-xin cao trên phạm vi toàn quốc, đặc biệt là đã có sự chăm sóc đối tượng nguy cơ cao nên tỷ lệ chết/mắc trên phạm vi toàn quốc giảm sâu.

Người khỏi bệnh vẫn có khả năng tái nhiễm, do vậy cần tiếp tục hoàn thành tiêm vaccine mũi 3; triển khai các biện pháp ưu tiên quản lý, bảo vệ nhóm đối tượng nguy cơ cao; tăng cường năng lực cách ly, chăm sóc, điều trị quản lý người mắc COVID-19 tại nhà; nhất là thực hiện nghiêm thông điệp "5K + vắc xin + thuốc điều trị + công nghệ + đề cao ý thức người dân và các biện pháp khác" là rất quan trọng trong việc kiểm soát ca lây nhiễm, hạn chế bệnh tăng nặng, tử vong.

Dự báo số ca mắc thời gian tới sẽ tiếp tục tăng do mầm bệnh đã lây lan rộng trong cộng đồng; biến chủng BA.2 của biến chủng Omicron vẫn là biến thể chủ đạo; việc triển khai các hoạt động dỡ bỏ hạn chế đối với vận chuyển hành khách, mở cửa du lịch, mở cửa lại trường học và các sự kiện thể thao, văn hóa, xã hội, cùng với đó là tâm lý chủ quan, lơ là của một bộ phận người dân làm tăng nguy cơ gia tăng số nhập viện tạo áp lực lớn lên hệ thống chăm sóc y tế, đặc biệt tác động đến các nhóm đối tượng nguy cơ cao (người già, người có bệnh nền).

Triển khai tiêm vaccine phòng COVID-19 thần tốc để hoàn thành việc tiêm mũi 3 cho người từ 18 tuổi (trừ các đối tượng chống chỉ định và chưa tới thời gian tiêm) trong quý I/2022; hoàn thành việc tiêm mũi thứ 2 cho người từ 12-17 tuổi trong tháng

3/2022; chuẩn bị tiêm cho trẻ từ 5-11 tuổi; nghiên cứu việc tiêm mũi thứ 4 và các cháu dưới 5 tuổi...

(3) Công tác phòng, chống dịch tại Thành phố Hồ Chí Minh và một số địa phương:

- Thành phố Hồ Chí Minh:

Theo Trung tâm Kiểm soát bệnh tật TP. Hồ Chí Minh, phần lớn các trường hợp nặng và tử vong do COVID-19 trên địa bàn thành phố có đặc điểm chung là người trên 65 tuổi và có bệnh nền, có trường hợp vẫn chưa tiêm vắc-xin. Do đó, chiến dịch bảo vệ người thuộc nhóm nguy cơ đã được triển khai và thực tế đã cho thấy hiệu quả khi số tử vong của thành phố hiện đang ở mức thấp.

Trước tình hình dịch bệnh đang gia tăng do chủng Omicron thì việc bảo vệ người thuộc nhóm nguy cơ vẫn là biện pháp rất quan trọng. Thành phố tiếp tục triển khai chiến dịch bảo vệ người thuộc nhóm nguy cơ mở rộng cho người trên 50 tuổi và người có bệnh nền ở mọi lứa tuổi.

Để bảo vệ người thuộc nhóm nguy cơ, điều đầu tiên là cách ly ngay người mắc COVID-19 với người nguy cơ để giảm thiểu thấp nhất nguy cơ mắc COVID-19. Bên cạnh đó, cần thực hiện việc theo dõi sát tình hình sức khỏe, dấu hiệu bệnh của người thuộc nhóm nguy cơ để phát hiện và điều trị sớm. Nếu F0 trong gia đình là trẻ em, cần phải cách ly trẻ, không để tiếp xúc với người thuộc nhóm nguy cơ cao trong gia đình. Nếu gia đình không đủ điều kiện cách ly riêng, thì người nhà nên cho trẻ nhập viện các bệnh viện nhi để điều trị.

- Tỉnh Phú Thọ: Trước số ca mắc COVID-19 là trẻ em tăng cao, Sở Y tế Phú Thọ yêu cầu tất cả các bệnh viện và Trung tâm Y tế huyện, thị, thành phố trên địa bàn tỉnh triển khai hoạt động thu dung điều trị trẻ em mắc COVID-19, đảm bảo mỗi bệnh viện, cơ sở y tế đều có khu chăm sóc, điều trị bệnh nhi mắc COVID-19.

Xây dựng, triển khai tập huấn các chuyên đề về chăm sóc trẻ em mắc COVID-19 tại nhà, chăm sóc, điều trị trẻ mức độ nhẹ, trung bình, mức độ nặng và nguy kịch. Đồng thời, sẵn sàng triển khai công tác tiêm vắc-xin phòng COVID-19 cho trẻ em từ 5 đến dưới 12 tuổi; lưu ý trẻ em dưới 12 tuổi chưa được tiêm vaccine phải được xem là nhóm nguy cơ, nhất là trẻ em có bệnh nền như béo phì, các bệnh lý bẩm sinh...

- Tỉnh Cà Mau: Trước tình hình số ca F0 trong học sinh và giáo viên tăng cao, trên cơ sở khảo sát nhu cầu, nguyện vọng của phụ huynh học sinh, Chủ tịch UBND tỉnh Cà Mau vừa ban hành Công văn về tổ chức dạy và học cấp mầm non và phổ thông.

Theo đó, từ hôm nay (17/3), cấp học mầm non cho trẻ dừng đến trường cho đến khi có thông báo mới. Các huyện, thành phố, căn cứ tình hình thực tế có thể chọn 1-2 điểm trường trung tâm trên địa bàn đảm bảo điều kiện thuận lợi về cơ sở vật chất, công tác phòng, chống dịch COVID-19 để nuôi dạy trẻ theo nhu cầu của phụ huynh.

Đối với học sinh lớp 1 đến lớp 7, chuyển sang học trực tuyến theo chương trình chính khóa. Trường hợp những em học sinh có nhu cầu học trực tiếp và được sự thống nhất của phụ huynh thì vẫn đến lớp học trực tiếp bình thường; giáo viên vẫn đến lớp dạy và tạo đường link nếu học sinh học tại nhà.